

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 03 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Châu T, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp PH, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp VC, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1968; cùng địa chỉ: ấp VC, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 06 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 06 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Châu T được quyền sử dụng định đoạt phần đất có diện tích 308m², thuộc thửa 612 tách, tờ bản đồ số 15 có tứ cận như sau:

Đông giáp 576 của ông Ngô Ngọc L;

Tây giáp thửa 611 của Nguyễn Minh S;
Nam giáp thửa 121 của ông Nguyễn Thành S;
Bắc giáp thửa 612 còn lại. (Có họa đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Tấn T, bà Trần Thị Kim H và bà Nguyễn Thị Phương Th được quyền sử dụng định đoạt phần đất có diện tích 602m², thuộc thửa 612 còn lại, tờ bản đồ số 15 có tứ cận như sau:

Đông giáp thửa 576 của Ngô Ngọc L;
Tây giáp thửa 103 của bà Đặng Thị M;
Nam giáp thửa 612 tách;
Bắc giáp thửa 98 của bà Nguyễn Thị Ph. (Có họa đồ kèm theo).
Ghi nhận việc ông Nguyễn Châu T không yêu cầu chia căn nhà.

Các tài sản trên phần đất tranh chấp như huê lợi trên đất của ai thì người đó tự di dời thì các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với nội dung quyết định. Theo thỏa thuận của các đương sự thì diện tích đất mà ông Nguyễn Châu T được nhận dưới mức tối thiểu, nhưng vì hiện tại ông T không có đất khác để canh tác nên yêu cầu được nhận đất để canh tác không chấp nhận nhận giá trị.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là:

Ông Nguyễn Châu T đồng ý nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $308\text{m}^2 \times 600.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 2,5\% = 4.620.000\text{đồng}$.

Số tiền ông Nguyễn Châu T nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004645, ngày 01/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL được khấu trừ sang tiền án phí. Như vậy, ông Nguyễn Châu T còn phải nộp thêm 3.516.000đồng tiền án phí.

Ông Nguyễn Tấn T, bà Trần Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Phương Th Thúy đồng ý liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $602\text{m}^2 \times 600.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 2.5\% = 9.030.000\text{đồng}$. Số tiền ông T, bà H nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000862, ngày 31/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL được khấu trừ sang tiền án phí. Như vậy, ông T, bà H, bà Th còn phải liên đới nộp thêm 4.455.000đồng tiền án phí.

Chi phí tố tụng (chi phí đo đạc, định giá thu thập chứng cứ) là: 4.944.000đ ông T đã nộp đủ. Các đương sự thỏa thuận mỗi người chịu một phần ba chi phí tố

tụng. Như vậy, bà Nguyễn Thị Phương Th phải trả lại cho ông Nguyễn Châu T 1.648.000đ chi phí tố tụng; ông Nguyễn Tấn T và bà Trần Thị Kim H phải liên đới trả lại cho ông T 1.648.000đ chi phí tố tụng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ THÚY HẰNG

